| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/5/2022
*V/v "Ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Hà Hữu Bình** và bà **Lý Thúy Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Kim Tuyến** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2021/HNGĐ-ST, ngày 17/12/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Anh V**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

(Chị L và anh V đều vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Anh V có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ dân phố 10, phường H, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống với nhau không còn tình cảm nên đã ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Anh V có 01 con chung tên là Nguyễn P, sinh ngày 01/01/2018, hiện cháu P đang ở với anh V. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị L có nguyện vọng để cháu P cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị L xác nhận chị và anh V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Anh V trình bày:*

Anh và chị Ngô Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/3/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ dân phố 10, phường H, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị L bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Anh được biết hiện nay chị L đang ở với người khác nên chị L làm đơn xin ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Ngô Thị L có 01 con chung là Nguyễn P, sinh ngày 01/01/2018. Từ khi chị L bỏ nhà đi, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P. Sau khi vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P cho đến khi trưởng thành và anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh và chị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên họp, hòa giải chị Ngô Thị L có mặt, anh Nguyễn Anh V đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để ra giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Anh V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn chị L và anh V sống tại tổ dân phố 10, phường H, thành phố T. Sau khi kết hôn được khoảng 02 năm chị L không sống cùng anh V ở tổ 10, phường H nữa. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn P, sinh ngày 01/01/2018, hiện cháu P đang ở với anh V. Chị L và anh V không có nhà đất ở địa phương, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Anh V; chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung là Nguyễn P, sinh ngày 01/01/2018 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán

đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; Điều 71; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Anh V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn P, sinh ngày 01/01/2018 cho anh Nguyễn Anh V trông nom, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ngô Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho (do anh V không yêu cầu); chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Anh V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Anh V không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Anh V đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại tổ 10, phường H, thành phố T. Từ năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn và chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn 2, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để ở. Ngày 30/11/2021 chị L gửi đơn khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình đến Tòa án; ngày 17/12/2021, Toà án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự; nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Chị L và anh V đều đã được triệu tập hợp lệ, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Anh V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/3/2018. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L và anh V sống tại tổ dân phố 10, phường H, thành phố T. Trong quá trình chung sống, chị L và anh V bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống không hạnh phúc, từ năm 2019 đến nay chị L và anh V đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa; anh V không nhất trí ly hôn với lý do chị L đã có người khác nhưng anh V cố tình không đến Tòa án tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã đến tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, lấy lời khai của anh V. Như vậy việc anh V không đồng ý

ly hôn không phải vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Anh V.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Anh V có 01 con chung là Nguyễn P, sinh ngày 01/01/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu P ở với anh V; chị L và anh V đều có ý kiến giao cháu P cho anh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn, Hội đồng xét xử thấy ý kiến của chị L và anh V là phù hợp nên cần chấp nhận. Anh V không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị L cũng không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Anh V đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Ngô Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Anh V không phải chịu án phí của vụ án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Anh V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn P, sinh ngày 01/01/2018 cho anh Nguyễn Anh V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ngô Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh V không yêu cầu); chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Anh V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000168 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Anh V không phải nộp án phí của vụ án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Anh V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường H, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Phạm Thị Hương Giang**